

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày 18/8/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Văn Miên và ông Lê Đình Hưng.

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/8/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Ngọc L, địa chỉ: Làng Ó, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn D, địa chỉ: thôn Ia M, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Hồ Minh T (là chồng của nguyên đơn), địa chỉ: Làng Ó, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; đã ủy quyền cho nguyên đơn tham gia tố tụng (theo Văn bản ủy quyền được công chứng ngày 07/5/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Đào Thị Ngọc L trình bày:

Chồng bà tên Hồ Minh T.

Ngày 09/11/2017 bà cho ông Hồ Văn D vay 124.000.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu đồng). Hạn trả nợ là ngày 30/01/2018 Âm lịch (Tuy nhiên, tháng 01 năm 2018 âm lịch chỉ có 29 ngày, nên xác định ngày trả nợ là ngày cuối tháng 01, tức là ngày 29/01/2018 âm lịch, nhằm ngày 16/3/2018 dương lịch). Việc cho vay được lập thành giấy viết tay, có người làm chứng là ông Đoàn Văn T.

Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ nhưng ông D vẫn không trả nợ.

Khoản tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng bà.

Bà yêu cầu ông D trả cho vợ chồng bà 124.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi chậm trả nợ tính từ ngày 17/3/2018 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Ông Hồ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt. Do đó, hồ sơ không có lời khai, ý kiến của ông D.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2020, ông Đoàn Văn T trình bày:

Ông có quan hệ quen biết, là hàng xóm của bà Đào Thị Ngọc L. Ông có biết ông Hồ Văn D. Ngày 09/01/2017, ông có chứng kiến việc bà L cho ông D vay 124.000.000 đồng. Giấy mượn tiền do bà L viết, ông D có ký nhận là người vay tiền. Ông có ký làm chứng trong giấy cho vay tiền này.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa sơ thẩm như sau: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Ngọc L. Buộc ông Hồ Văn D trả cho vợ chồng bà Đào Thị Ngọc L, ông Hồ Minh T 124.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Ông D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đào Thị Ngọc L khởi kiện ông Hồ Văn D tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà L là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Ông Hồ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[3] Bà Đào Thị Ngọc L yêu cầu ông Hồ Văn D trả cho vợ chồng bà 124.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc tính từ ngày 17/3/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà L cung cấp chứng cứ là 01 Bản gốc “Giấy mượn tiền” đề ngày 09/11/2017 (bút lục số 09) có thể hiện nội dung: ông Hồ Văn D vay của bà Đào Thị Ngọc L 124.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 30/01/2018 Âm lịch (nhằm ngày 16/3/2018).

Nội dung giấy vay tiền không thể hiện thỏa thuận lãi suất.

[4] Có đủ căn cứ để nhận định: ngày 09/11/2017, ông Hồ Văn D vay bà Đào Thị Ngọc L 124.000.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu đồng); thời hạn trả nợ là ngày 16/3/2018. Việc cho vay không thỏa thuận lãi suất.

Vì các bên không thỏa thuận lãi suất nên khi đến hạn trả nợ, bên vay không trả nợ nên bên cho vay có quyền yêu cầu trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, tức là 0,83%/tháng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, cần áp dụng các Điều 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà L, ông T các khoản sau:

- 124.000.000 đồng nợ gốc;
 - Nợ lãi chậm trả nợ của số tiền nợ gốc tính từ ngày 17/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (là 29 tháng, 01 ngày) với mức 0,83%/tháng, thành tiền là: 29.881.107 đồng.
- Tổng cộng là: 153.881.107 đồng.

[4] Về án phí: ông Hồ Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Ngọc L.

1. Buộc ông Hồ Văn D trả cho bà Đào Thị Ngọc L, ông Hồ Minh T khoản nợ theo giấy vay tiền ngày 09/11/2017 gồm các khoản sau:

- 124.000.000 đồng nợ gốc;
- Nợ lãi chậm trả nợ của số tiền nợ gốc tính từ ngày 17/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (là 29 tháng, 01 ngày) với mức 0,83%/tháng, thành tiền là: 29.881.107 đồng.

Tổng cộng: 153.881.107 đồng (một trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi một ngàn một trăm lẻ bảy đồng).

2. Về án phí: Buộc ông Hồ Văn D chịu 7.694.055 đồng (bảy triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn không trăm năm mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bà Đào Thị Ngọc L không phải chịu án phí, trả lại cho bà L 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002501 ngày 16/4/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

4. Về các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại

khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Hùng Hưng